

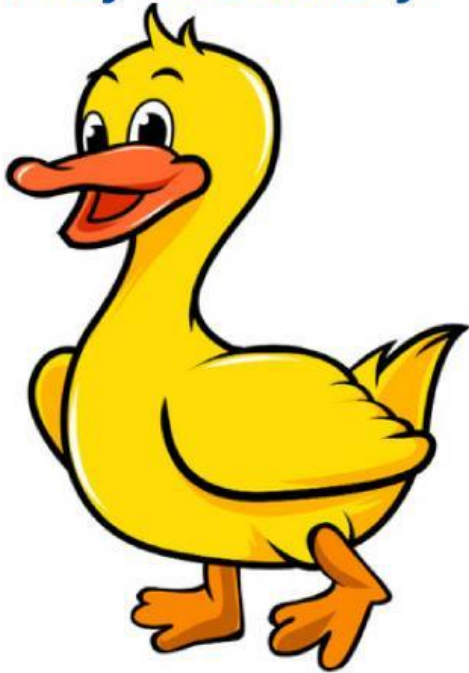
## UNIT 4: WHAT CAN WE SEE ON A FARM?

### Lesson 10: Language

#### I. Nội dung buổi học:

- Học sinh mô tả những gì mọi người làm trong một trang trại.

#### II. Key vocabulary:



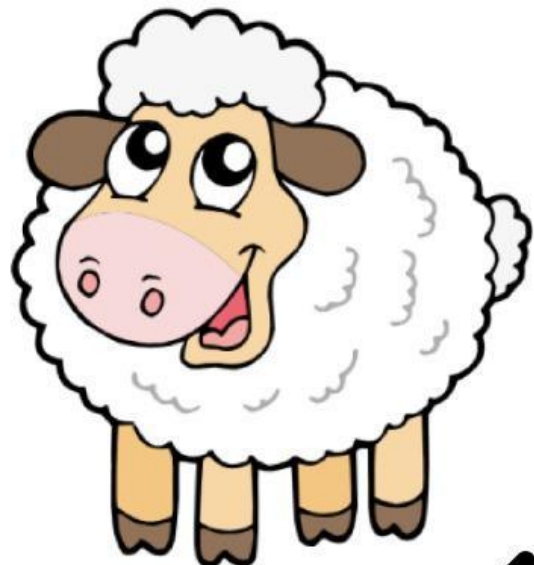
**Duck**  
(Con vịt)



**Cow**  
(Con bò)



**Horse**  
(Con ngựa)



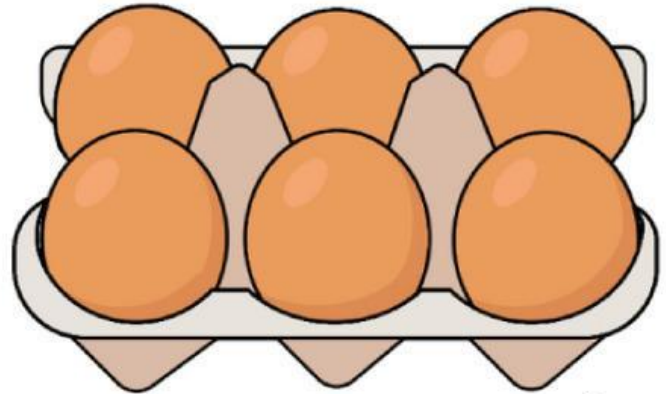
**Sheep**  
(Con cừu)



## II. Key vocabulary:



**Milk**  
(Sữa)



**Eggs**  
(Trứng)



**Shear**  
(Cạo lông)



**Collect**  
(Nhặt)



## II. Key vocabulary:



**Groom**  
(Chải lông)



**Feed**  
(Cho ăn)



**Milk**  
(Vắt sữa)



### III. Key language:



**What is the farmer doing?  
He's (milking the cow).**

